

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 1 - Tháng 4

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 13 – 14/04/2026

Ngày cung cấp TT: 14/04/2026

3. **Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Đang sửa công.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng
3	3	Công Cốc Thành	Công mở.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Đang sửa công.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cổ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Công mở
10	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
11	15	Đầu kênh S17	Công mở.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Tư vấn Chất lượng nước, Môi trường – Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ Tài nguyên nước - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Bình, Chi cục thủy lợi Ninh Bình.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Nhâm Tràn, Cống Kinh Thanh, Cống Cổ Đàm, Cống Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Cống 3-2, Đầu kênh T5.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh S17, Đập Vua (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy) Bể hút trạm bơm Quý Độ.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Sông Chanh, Đầu kênh CG 16, Cầu Chủ (sông Châu Giang).

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					6.5 – 8.5		≥ 6		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					6 – 8.5		≥ 5		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					6 – 8.5		≥ 4		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Nhiệt độ ngoài trời 32°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 70%, gió Nam-Đông Nam 10 km/h. Đang làm lại cổng lấy nước. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	29.31	8.16	64.8	5.62	329	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Nhiệt độ ngoài trời 32°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 70%, gió Đông Nam 8 km/h. Cổng đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh.	30.25	8.36	69.6	5.8	436	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
3	Cổng Cốc Thành	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực huyện Vụ	Nhiệt độ ngoài trời 34°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 30%, gió Đông Nam 10 km/h. Cổng mở tiêu nước ra sông.	30.35	8.28	90.2	5.19	541	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		Bản.	Trạm bơm không hoạt động. Nước màu nâu đục.						
4	Cổng Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 56%, gió Đông Nam 10 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy, mực nước cao. Nước màu xanh.	29.55	8.53	46.9	5.45	315	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH không đạt mức C
5	Cổng Nhâm Tràng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Nhiệt độ ngoài trời 28°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 100%, gió Nam-Đông Nam 6 km/h. Đang sửa công lấy nước. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu nâu đục.	29.30	8.18	86.6	5.33	446	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
6	Cổng Kinh	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Nhiệt độ ngoài trời 28°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 100%,	29.55	8.30	51.4	5.92	366	Các chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị		
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
	Thanh	thống kênh tưới, tưới cho huyện Thanh Liêm.	gió Nam-Đông Nam 6 km/h. Cổng đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.							trường pH, DO đạt mức B
7	Cổng Cỏ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho huyện Ý Yên	Nhiệt độ ngoài trời 29°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 92%, gió Nam-Đông Nam 6 km/h. Cổng đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu nâu đục.	29.34	8.32	94.6	5.42	375		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
8	Cổng Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho huyện Ý Yên và huyện Vụ Bản.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 60%, gió Đông Nam 10 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	30.02	8.34	58.2	5.20	218		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 58%, mật độ mây 50%, gió Đông Nam 10 km/h. Dòng chảy chậm về Cốc Thành. Mực nước trung	30.23	8.19	87.8	5.59	450		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		thành phố Nam Định.	bình. Nước màu nâu đục.						
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 40%, gió Đông Nam 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Chanh. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	32.18	8.47	94.1	5.32	3035	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 60%, gió Đông Nam 10 km/h. Mực nước cao. Dòng chảy chậm vào nội đồng. Nước màu xanh lục.	31.22	8.30	49.0	5.66	261	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
12	Đập An Bài (sông	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt,	Nhiệt độ ngoài trời 31°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 80%, gió Nam-Đông Nam 10	29.52	8.19	77.9	5.1	373	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
	Châu Giang)	tưới tiêu kết hợp cho huyện Bình Lục.	km/h. Đập mở, dòng chảy từ sông Sắt sang sông Châu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.							đạt mức B
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Nhiệt độ ngoài trời 32°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 70%, gió Đông Nam 8 km/h. Cống mở, mực nước thấp. Nước màu nâu đục.	29.05	7.99	98.3	3.94	794	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức C	
14	Cống 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho huyện Mỹ Lộc.	Nhiệt độ ngoài trời 32°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 70%, gió Đông Nam 8 km/h. Cống mở, dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	30.34	8.17	165	5	641	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B	
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp	Nhiệt độ ngoài trời 30°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 30%, gió Đông Nam 8 km/h. Cống mở, nước đứng, không	29.13	8.23	60.2	4.28	329	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B (< 5	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị		
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)			
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6			
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5			
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4			
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2			
		huyện Ý Yên.	có dòng chảy, mực nước cao. Nước màu xanh lục.							mg/l)	
16	Đập Vùa (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho huyện Lý Nhân.	Nhiệt độ ngoài trời 32°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 70%, gió Đông Nam 8 km/h. Cống đóng, mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.			28.99	8.13	100.3	4.97	298	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B (< 5 mg/l)
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Nhiệt độ ngoài trời 31°C, độ ẩm 75%, mây 80% gió Nam-Đông Nam 10 km/h. Dòng chảy chậm về Như Trác. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.			29.67	8.11	101.6	3.85	351	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức C
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Nhiệt độ ngoài trời 29°C, độ ẩm 85%, mây 92%, gió Nam-Đông Nam 6 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.			29.33	8.13	90.2	4.32	445	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B (< 5 mg/l)

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					6.5 – 8.5		≥ 6		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					6 – 8.5		≥ 5		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					6 – 8.5		≥ 4		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
19	Bể hút trạm bơm Quý Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quý Độ.	Nhiệt độ ngoài trời 29°C, độ ẩm 85%, mây 92%, gió Nam-Đông Nam 6 km/h. Cổng đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước trung bình. Nước màu vàng nâu.	29.33	8.13	90.2	4.32	445	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B (< 5 mg/l)
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 58%, mây 50%, gió Đông Nam 10 km/h. Dòng chảy chậm. Mực nước cao, nước màu xanh.	30.74	8.14	87.5	5.87	397	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Ninh Bình;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Ninh Bình;
- Lưu Phòng TVCLN, MT.

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026

**TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA
TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA**